ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2023/QĐ-UBND	*Vĩnh Long, ngày 13 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định tiêu chí, cách phân bổ máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, cách phân bổ máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, gồm quy định về: Tiêu chí phân bổ; Đối tượng, tiêu chí ưu tiên; Công tác xét chọn, đề xuất danh sách hộ gia đình được nhận máy tính bảng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

Điều 3. Tiêu chí phân bổ máy tính bảng cho cấp huyện và cấp xã

1. Số lượng máy tính bảng phân bổ cho cấp huyện được xác định theo công thức sau:

$$Mtbmn = \frac{Mtbn}{\sum_{i=1}^{8} (Hncnm - Mtkm)} \times (Hncnm - Mtkm)$$

Trong đó:

a) Mtbmn: Là số lượng máy tính bảng của Chương trình phân bổ cho huyện m trong năm n;

b) Mtbn: Là số lượng máy tính bảng Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ cho Vĩnh Long trong năm n;

c) Hncnm: Số lượng hộ nghèo, cận nghèo của huyện m;

d) Mtkm: Là số lượng máy tính bảng huyện m đã được hỗ trợ từ Chương trình này của các năm trước năm n và số lượng máy tính, máy tính bảng đã được hỗ trợ bằng các nguồn khác thuộc Chương trình "Sóng và máy tính cho em".

2. Số lượng máy tính bảng phân bổ cho các xã, phường, thị trấn được xác định theo công thức sau:

$$Mtbpn = \frac{Mtbmn}{\sum_{i=1}^{t} (Hncnp - Mtkp)} \times (Hncnm - Mtkp)$$

Trong đó:

a) Mtbpn: Là số lượng máy tính bảng của Chương trình phân bổ cho xã p trong năm n;

b) Mtbmn: Là số lượng máy tính bảng của Chương trình phân bổ cho huyện m trong năm n;

c) Hncnp: Số lượng hộ nghèo, cận nghèo của xã p;

d) Mtkp: Là số lượng máy tính bảng xã p đã được hỗ trợ từ Chương trình này của các năm trước năm n và số lượng máy tính, máy tính bảng đã được hỗ trợ bằng các nguồn khác thuộc Chương trình "Sóng và máy tính cho em";

đ) t: Là số xã có hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 4. Đối tượng, tiêu chí ưu tiên hộ gia đình được nhận máy tính bảng

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông được nhận hỗ trợ máy tính bảng theo thứ tự sau:

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách người có công với cách mạng.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách xã hội.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là hộ đồng bào dân tộc thiểu số (xét thứ tự ưu tiên cho người dân tộc thuộc ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các

thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025).

4. Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

5. Hộ nghèo.

6. Hộ cận nghèo.

Điều 5. Công tác xét chọn, đề xuất danh sách hộ gia đình được nhận máy tính bảng tại cấp huyện, cấp xã

1. Căn cứ nguyên tắc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ máy tính bảng tại cấp xã;

b) Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại Điều 4 Quyết định này, lập danh sách hộ gia đình được hỗ trợ máy tính bảng thuộc chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Phụ lục I Quyết định này gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo.

2. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp danh sách hộ gia đình được hỗ trợ máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Phụ lục II Quyết định này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm kiểm tra danh sách, kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ máy tính bảng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi nhận được quyết định phân bổ máy tính bảng cho tỉnh của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan và đối tượng được nhận hỗ trợ máy tính bảng

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, rà soát và đề xuất danh sách hộ gia đình được nhận máy tính bảng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bàn giao hỗ trợ máy

tính bảng;

d) Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện việc hỗ trợ máy tính bảng.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, lập danh sách các trường hợp học sinh con hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình khó khăn đã được hỗ trợ máy tính bảng từ Chương trình "Sóng và máy tính cho em".

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông rà soát hộ gia đình theo tiêu chí ưu tiên trên cơ sở Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và kết quả rà roát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hàng năm.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này; Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị cung cấp trao máy tính bảng cho hộ gia đình được hỗ trợ.

5. Hộ gia đình được nhận máy tính bảng

a) Tạo điều kiện để học sinh là thành viên trong hộ gia đình được sử dụng máy tính bảng phục vụ học tập; sử dụng máy tính bảng trong hộ gia đình để khai thác thông tin phục vụ phát triển kinh tế và thông tin thiết yếu khác trên mạng Internet theo nhu cầu;

b) Lựa chọn dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng và phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện đầy đủ các quy định về hồ sơ, thủ tục phát triển thuê bao, thay đổi dịch vụ sử dụng, tạm dừng, đưa thuê bao ra khỏi danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định.

Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh, TT.HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, 1.12.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lữ Quang Ngời

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

UBND xã/phường/TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC CÓ NHU CẦU HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

STT	Mã xã	Tên xã	Họ và tên chủ hộ	CMND/ CCCD/ Mã số định danh của chủ hộ	Địa chỉ	Đối tượng hộ gia đình	Họ tên học sinh	Tên trường	Lớp
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*

……., ngày … tháng … năm …..

Chủ tịch UBND …..

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.

- Cột (B): Ghi mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (C): Ghi tên huyện, tên xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.

- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.

- Cột (2): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, bản, ….

- Cột (3)Đối tượng hộ gia đình được ghi như sau:

+ ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.

+ ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.

+ ĐT3:Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

+ ĐT4: Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là hộ thuộc xã đặc biệt khó khăn.

+ ĐT5: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1, ĐT2, ĐT3, ĐT4).

+ ĐT6: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1, ĐT2, ĐT3, ĐT4).

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

UBND huyện, TX, thành phố …….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC CÓ NHU CẦU HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

STT	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã	Họ và tên chủ hộ	CMND/ CCCD/ Mã số định danh của chủ hộ	Địa chỉ	Đối tượng hộ gia đình	Họ tên học sinh	Tên trường	Lớp
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*

……, ngày … tháng … năm …..

Chủ tịch UBND …..

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.

- Cột (B): Ghi mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (C): Ghi tên huyện, tên xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.

- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.

- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.

- Cột (2): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, bản, ….

- Cột (3): Đối tượng hộ gia đình được ghi như sau:

+ ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.

+ ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.

+ ĐT3:Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

+ ĐT4: Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là hộ thuộc xã đặc biệt khó khăn.

+ ĐT5: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1, ĐT2, ĐT3, ĐT4).

+ ĐT6: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1, ĐT2, ĐT3, ĐT4).